

# NHÂN TỐ NÀO ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆC VAY VỐN CỦA NGƯỜI CHĂM

TS. Bùi Văn Trịnh  
Trưởng Đại học Cần Thơ

**Ở** Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), dân tộc Chăm tập trung nhiều nhất tỉnh An Giang. Mặc dù trong những năm gần đây chính quyền tỉnh có rất nhiều cố gắng trong việc cải thiện đời sống kinh tế của đông bào dân tộc Chăm, tuy nhiên do có một số điều kiện hạn chế nên hiện tại đời sống của họ còn gặp rất nhiều khó khăn. Một trong những hạn chế mà người Chăm gặp phải đó là thiếu vốn. Trước tình hình trên, chúng tôi thực hiện nghiên cứu “Phân tích tình hình vay vốn của người dân tộc Chăm ở tỉnh An Giang” để góp thêm tư liệu giúp các tổ chức có liên quan vận dụng vào thực tiễn hoạt động của mình.



http://w



### Phương pháp và mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm đạt được 02 mục tiêu sau: (i) Phân tích nguồn lực tài chính của người Chăm ở An Giang; (ii) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn của người Chăm ở An Giang.

Để có thông tin nghiên cứu chúng tôi tiến hành thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp như sau:

- Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp đại diện 60 hộ người Chăm trong vùng nghiên cứu với những nội dung liên quan đến mục tiêu nghiên cứu.

- Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo, tài liệu khoa học, niên giám thống kê, các nghiên cứu trước đây cũng như tham khảo các nhận định, đánh giá của các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu.

Từ nguồn thông tin đã thu thập được chúng tôi tiến hành sử dụng các phương pháp phân tích theo từng mục tiêu nghiên cứu:

- Đối với mục tiêu 1: Sử dụng các phương pháp thống kê mô tả với các tiêu chí như tần suất, tỷ lệ trung bình và phân tích hồi qui Binary Logistic để phân tích các nguồn lực sẵn có của người Chăm;

- Đối với mục tiêu 2: Sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phương pháp hồi quy tương quan để phân tích thực trạng sinh kế và các nhân tố ảnh hưởng thu nhập người Chăm.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### Một số đặc điểm kinh tế - xã hội của người Chăm ở An Giang

Người dân tộc Chăm Việt Nam sinh sống tập trung chủ yếu ở cực Nam Trung bộ và ở tỉnh An Giang của ĐBSCL. Đồng bào dân tộc Chăm ở An Giang đến thời điểm nghiên cứu có trên 2.500 hộ với hơn 13.700 người. Phần lớn họ cư trú và sống dọc theo sông Hậu ở các xã Vĩnh Trường, Quốc Thái, Nhơn Hội, Khánh Bình, Đa Phước thuộc huyện An Phú và các xã thuộc các huyện khác như Châu Phong, Phú Hiệp, Khánh Hòa, Vĩnh Hanh và phường Mỹ Long (thành phố Long Xuyên).

Đồng bào dân tộc Chăm sống quần tụ, hòa thuận, đùm bọc tương trợ lẫn nhau, hầu hết theo đạo Hồi giáo Islam, mỗi xóm đều có thánh đường và

có một vị giáo cả do cộng đồng bầu lên đứng đầu.

Cuộc sống của đa số đồng bào Chăm ở An Giang trước đây chuyên nghề chài lưới và mua bán nhỏ, phụ nữ dệt vải, thêu đan. Nghề dệt ở xã Châu Phong (huyện Tân Châu) là nghề thủ công truyền thống, sản phẩm được bán ra thị trường trong nước và hợp tác xuất khẩu sang thị trường Malaysia, Campuchia...

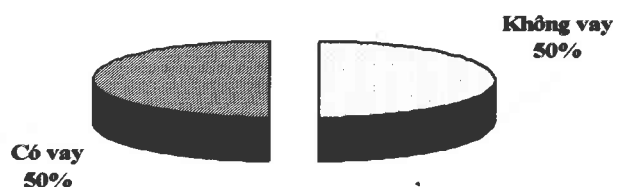
Những năm qua, ở các khu vực đồng bào Chăm sinh sống, kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, phát triển. Cầu, đường giao thông nông thôn, trường học, trạm y tế, điện lưới quốc gia, hệ thống cấp nước sinh hoạt... được đầu tư xây dựng. Các trung tâm, cụm xã đều có chợ để việc mua bán của bà con được thuận lợi. Nhiều chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh như các chương trình 134, 135, chương trình điện nước nông thôn, chương trình hỗ trợ vốn để khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động... đã được thực hiện từ nhiều năm qua.

#### Nguồn lực tài chính của người Chăm ở An Giang

Nguồn lực tài chính như là một đòn bẩy vì nó sẽ góp phần phát huy hết tất cả các nguồn lực khác. Nguồn lực tài chính được thể hiện ở khả năng huy động vốn của hộ, bao gồm tiền để dành, tiền vay từ các tổ chức tín dụng, hay vay của bạn bè, bà con... Thực tế cho thấy việc hộ thiếu vốn để sản xuất kinh doanh dẫn đến kinh tế hộ chậm cải thiện vì khó có khả năng tiếp cận và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, làm chậm tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn.

Sử dụng mô hình phân tích tần số để phân tích khả năng tiếp cận tín dụng của hộ, ta thấy trong 60 hộ được phỏng vấn thì có đến 30 hộ có vay vốn chiếm 50%.

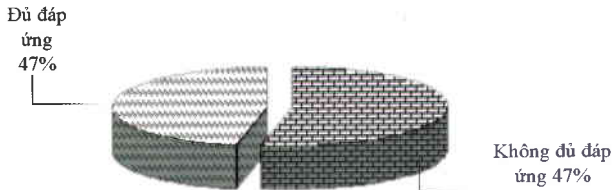
Hình 1: Tỷ lệ vay vốn của hộ 2010



Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp 2010

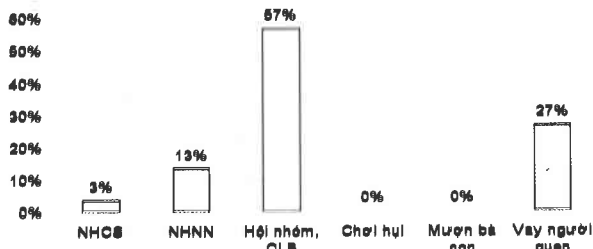
Trong 30 hộ có vay thì có đến 16 hộ (chiếm 53%), số tiền vay không đủ đáp ứng nhu cầu của tín dụng của hộ. Điều này chứng tỏ lực cầu tín dụng của hộ là rất lớn, rất cần sự quan tâm của các tổ chức tín dụng.

**Hình 2: Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tín dụng của hộ vay vốn 2010**



Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp 2010

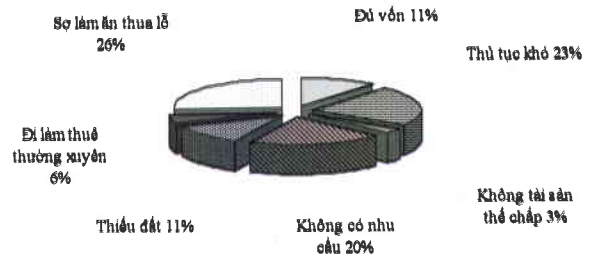
**Hình 3: Tỷ lệ vay vốn của hộ theo tổ chức năm 2010**



Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp 2010

Trong số những hộ tiếp cận tín dụng thì có đến 57% là vay từ hội nhóm, câu lạc bộ, 27% là từ người quen. Đây là những nguồn cung cấp tín dụng quan trọng trong cộng đồng dân tộc Chăm ở An Giang, chứng tỏ sự hoạt động hiệu quả của hoạt động hội, nhóm, câu lạc bộ cùng làm kinh tế hộ gia đình, đặc biệt là Hội Phụ nữ và Hội Nông dân. Tuy nhiên vẫn còn 27% hộ vay từ nguồn bên ngoài với lãi suất rất cao, vay nóng. Điều này làm giảm hiệu quả của hoạt động tín dụng.

Trong số những hộ không vay thì lý do được đưa ra nhiều nhất là sợ làm ăn thua lỗ, thủ tục khó và không có nhu cầu. Có thể nói trình độ học vấn thấp khiến cho hộ khó tiếp cận được nguồn vốn vay vì thủ tục vay khó, không có kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể cũng làm cho hộ không có nhu cầu vay vốn và sợ làm ăn thua lỗ. Những hạn chế này có thể được khắc phục bằng chính sách dạy nghề, hướng dẫn kế hoạch sản xuất kinh tế hộ gia đình của chính quyền địa phương, điều cần thiết là phải có sự nhất quán trong việc thực hiện chính sách.



Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp 2010

**Hình 4: Tỷ lệ nguyên nhân không vay vốn của hộ 2010**

Nguồn lực về tài chính là một trong những yếu tố góp phần xóa đói giảm nghèo, song ta nhận thấy rằng vấn đề đáp ứng nhu cầu tín dụng của hộ vẫn chưa được quan tâm đúng mức thể hiện ở chỗ số hộ tiếp cận với tín dụng còn thấp, những hộ vay nóng còn nhiều, thủ tục còn khó khăn, người dân còn hạn chế về trình độ học vấn... Những vấn đề này rất cần sự quan tâm của các cơ quan chức năng nhằm giải quyết ngay dứt điểm những khó khăn trên để góp phần tăng tốc độ xóa đói giảm nghèo ở nông thôn.

**Phân tích và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn của người Chăm ở An Giang**

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn của người Chăm chúng tôi sử dụng mô hình Binary Logistic với phương trình như sau:

$$\text{Log}_e \left[ \frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = -4,431 + 1,67X_1 + -0,721X_2 + 0,17X_3 + 5,025X_4 + 3,307X_5$$

Trong đó: Biến Y là biến vay vốn, nhận hai giá trị (0: không vay, 1: có vay)

Biến X1 là biến trình độ của nông hộ người Chăm

Biến X2 là biến số thành viên trong gia đình người Chăm

Biến X3 là biến diện tích đất hiện có của hộ người Chăm

Biến X4 là biến nghề nghiệp của hộ nhận 2 giá trị (0: nếu làm nghề khác, 1: hộ làm nông nghiệp).

Biến X5 là biến loại hộ nhận 2 giá trị (0: hộ khác nghèo, 1: hộ nghèo)

Kết quả kiểm định cho biết mô hình được xây

dụng phù hợp, tức là các biến (X) và hệ số ( $\beta$ ) đưa vào mô hình có mối tương quan với biến kết quả (Y).

Tiến hành xác định mức độ chính xác của dự báo ta thu được kết quả qua bảng 2 như sau:

**Bảng 1: Xác định mức độ chính xác của dự báo**

Giá trị quan sát		Giá trị dự đoán		
		Vay vốn		Tỷ lệ trúng (%)
		Không	Có	
Vay vốn	Không	29	3	90,6
	Có	3	25	89,3
Tổng				90,0

Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra bằng SPSS 15.0

Kết quả bảng 1 cho thấy, trong 32 trường hợp không vay vốn mô hình dự đoán trúng 29 trường hợp chiếm 90,6%. Còn với 28 trường hợp có vay vốn thì mô hình dự đoán trúng 25 trường hợp, xác suất trúng là 93,3%. Xác suất dự đoán trúng của toàn mô hình là 90%, đây là một tỷ lệ tương đối cao chứng tỏ mô hình rất đáng tin cậy.

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, Exp(B) được xác định

**Bảng 2: Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic**

Nhân tố	B	S E	Wald	df	Sig	Exp(B)
X1	1,670	0,861	3,760	1	0,052	5,313
X2	-0,721	0,391	3,408	1	0,065	0,486
X3	0,017	0,009	3,676	1	0,055	1,017
X4	5,025	1,703	8,710	1	0,003	152,174
X5	3,307	1,301	6,464	1	0,011	27,304
Hằng số	-4,431	2,389	3,441	1	0,064	0,012

Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra bằng SPSS 15.0

dựa trên tính mũ cơ số e của hệ số tương quan (B) và được xem là odd ratio.  $Exp(B) = e^B$ . Kiểm định Wald về ý nghĩa của các hệ số hồi qui tổng thể của biến X1 (trình độ của nông hộ), X2 (số thành viên trong gia đình), X3 (diện tích đất), đều có ý nghĩa ở mức 10%. Riêng đối với biến X4 (nghề nghiệp), X5 (loại hộ) ý nghĩa ở mức 5%. Do đó, ta hoàn toàn bác bỏ giả thuyết :

$$H_0: \beta_{x1} = 0, \beta_{x2} = 0, \beta_{x3} = 0, \beta_{x4} = 0, \beta_{x5} = 0$$

Từ bảng 2 ta có phương trình hồi quy như sau:

$$\text{Log}_e \left( \frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right) = -4,431 + 1,67X_1 + -0,721X_2 + 0,17X_3 + 5,025X_4 + 3,307X_5$$

Biến X1 – trình độ của người Chăm có tác động

thuận chiều với việc người Chăm có vay vốn, nghĩa là khi người Chăm có trình độ cao hơn thì xác suất có vay vốn sẽ tăng lên. Cụ thể, khi trình độ của chủ hộ tăng lên một đơn vị thì làm cho xác suất có vay vốn của người dân tăng lên 5,313 lần.

Biến X2 – số thành viên trong gia đình có tác động ngược chiều nhưng không lớn đến quyết định có vay vốn, khi số thành viên trong gia đình tăng lên một đơn vị thì làm giảm xác suất quyết định có vay vốn đi 0,486 lần.

Biến X3 – diện tích đất hiện có của hộ có tác động thuận chiều nhưng không lớn đến quyết định có vay vốn, khi diện tích đất tăng lên một đơn vị thì làm cho xác suất có vay vốn tăng lên 1,017 lần.

Biến X4 – nghề nghiệp của hộ nhận 2 giá trị (0: nếu làm nghề khác, 1: hộ làm nông nghiệp) có tác động thuận chiều và mạnh nhất đến quyết định vay vốn của hộ. Nếu hộ làm nghề nông nghiệp thì làm cho quyết định có vay vốn tăng lên 152,174 lần.

Biến X5 – loại hộ nhận 2 giá trị (0: hộ khác nghèo, 1: hộ nghèo) là biến có tác động thuận chiều và mạnh thứ 2 đến quyết định có vay vốn. Nếu hộ là hộ nghèo thì xác suất có vay vốn tăng lên 27,304 lần.

Từ những phân tích trên ta nhận thấy rằng trình độ học vấn của người dân sẽ ảnh hưởng đến quyết định vay vốn, trình độ học vấn cao thì sẽ có xu hướng vay vốn nhiều hơn bởi vì trình độ học vấn cao thì sẽ có nhiều hiểu biết, nhận thức cao hơn, cộng với trình độ chuyên môn nghiệp vụ nên rất dễ đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển sinh kế vì thế thường rất cần vốn để phục vụ cho những kế hoạch đó. Mặt khác những người có trình độ học vấn cao thường hay giữ một số chức vụ trong bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương hoặc là những công nhân viên chức, thành viên chủ chốt của các câu lạc bộ, hội nhóm ở địa phương do đó có nhiều cơ hội hơn trong việc tiếp xúc với tín dụng từ các chương trình hỗ trợ từ địa phương, chính sách nhà nước... dẫn đến việc những người này có quyết định vay vốn nhiều hơn.

Số thành viên trong gia đình có tác động ngược chiều với quyết định có vay vốn của người dân nhưng tác động này không lớn. Số thành viên trong gia đình nhiều thì nguồn lao động sẽ dồi dào thuận lợi cho việc sản xuất ở địa phương. Tuy nhiên do đa số những hộ nơi đây hoạt động chủ

yếu trong lĩnh vực nông nghiệp nhưng diện tích đất nông nghiệp ở đây rất thấp thậm chí có những hộ không có đất, vì thế những hộ có nhiều thành viên trong gia đình nhưng không có đất sản xuất hay đi làm thuê ở nơi khác rồi gửi tiền về, nên những hộ này thường ít vay vốn vì đa số những người còn lại trong gia đình là những người sống phụ thuộc. Diện tích đất cũng có tác động đến quyết định vay vốn của người dân, diện tích đất nhiều thì sẽ dẫn đến người dân vay vốn nhiều hơn. Tuy nhiên, tác động này cũng không rõ rệt bởi lẽ những hộ ở đây diện tích đất không nhiều và không có sự chênh lệch lớn, chỉ có vài hộ có diện tích đất sản xuất từ 5.000 m đến 10.000 m (điều này sẽ được phân tích cụ thể ở phần sau).

Hai biến có tác động lớn nhất là nghề nghiệp và loại hộ. Đây là hai biến giả, nghề nghiệp được nhận hai giá trị 0: nghề khác; 1: nông nghiệp, loại hộ cũng được nhận hai giá trị 0: hộ khác nghèo; 1: hộ nghèo. Ta nhận thấy nghề nghiệp của hộ có tác động cực lớn đối với quyết định vay vốn của hộ<sup>2</sup>. Nếu là hộ sản xuất nông nghiệp thì thường sẽ có vay vốn nhiều hơn bởi vì họ cần nguồn kinh phí để mua vật tư nông nghiệp, giống... để phục vụ cho việc sản xuất lúa đồng thời áp dụng khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng nhằm nâng cao năng suất, cải thiện đời sống. Còn đối với loại hộ thì những hộ nghèo sẽ có vay vốn nhiều hơn bởi vì những hộ này rất cần sự hỗ trợ tài chính để phát triển sinh kế, đồng thời với sự quan tâm của địa phương nhất là Hội Phụ nữ nên những hộ này thường được vay vốn từ đây và tham gia các chương trình phát triển kinh tế hộ gia đình.

**Kết luận**

Qua những kết quả phân tích tình hình vay vốn của người dân tộc Chăm ở tỉnh An Giang ta thấy trong số hộ người Chăm có vay vốn thì có tới 53% cho rằng số tiền mà họ vay được là chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của họ; Trong số những hộ tiếp cận tín dụng thì có đến 57% là vay từ hội, nhóm và câu lạc bộ, có 27% là vay từ người quen. Kết quả phân tích hồi qui cho thấy, khi người Chăm có trình độ cao hơn, có diện tích đất tăng lên, hộ làm nghề nông nghiệp và hộ là hộ nghèo thì xác suất có vay vốn tăng lên ■

**Tài liệu tham khảo**

1. Mai Thanh Cúc (2006), *Nghiên cứu sinh kế các cộng đồng nghèo vùng ven biển Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế Nông nghiệp 2006, tập IV, số 6: 117 - 123.
2. Nguyễn Xuân Cương, Trịnh Quang Tú, Phạm Thị Minh Tâm, Võ Thanh Bình (2002), *Phân tích sinh kế bền vững của người nghèo tại các cộng đồng dân tộc miền núi phía Bắc, Việt Nam*, Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 1, Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh.
3. Bảo Huy và nhóm cộng sự (2005), *Báo cáo nghiên cứu tham vấn hiện trường khu vực Tây Nguyên về: Lâm nghiệp, giảm nghèo và sinh kế nông thôn ở Việt Nam*, Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, chương trình hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác
4. Bùi Văn Trịnh và nhóm cộng sự (2007), *Dân tộc thiểu số vùng ĐBSCL, Khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Đại học Cần Thơ.*

